

Bản án số: 196/2026/DS-PT

Ngày: 09 - 3 - 2026

V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 và ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 560/2025/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096052006007, cấp ngày 30/8/2021.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1956.

Căn cước công dân số: 096156007156, cấp ngày 01/9/2021.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đ1: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1968. Căn cước công dân số: 096068006278, cấp ngày 15/11/2021 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1948 (vắng).

2. Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1953 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960 (vắng).

Nơi cư trú: Ấp F, xã N, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096155000001, cấp ngày 19/02/2025.

Nơi cư trú: Số C, N, phường C, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn Đ.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp tại thửa số 137, tờ bản đồ số 52, diện tích khoảng 22 công đất vuông và 2.200m² đất vườn, tọa lạc tại khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau là do cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn M (chết năm 1992) và bà Hồ Thị P1 (chết năm 2007) tạo lập, nhưng khi cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Ông M và bà P1 có các người con gồm Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị C (chết năm 2005 không có chồng con); Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Văn Đ2 (chết năm 2013, không có vợ con); Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Văn Mười B (chết năm 1992, không vợ con); Nguyễn Thị Mười S (chết năm 1999, không chồng con).

Phần đất tranh chấp thì theo ông được biết, cha mẹ ông chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất nói trên, khi cha mẹ chết thì anh em thống nhất tạm thời để ông Nguyễn Văn Đ2 canh tác, nhưng sau đó ông Nguyễn Văn Đ2 chết, bà Đ1 vào quản lý canh tác trên đất mà chưa được sự đồng ý của các anh em trong gia đình.

Nay ông khởi kiện buộc bà Đ1 giao lại toàn bộ phần đất thửa số 137, tờ bản đồ số 52 (thuộc thửa 13, 20 tờ bản đồ địa chính số 27–Bản đồ năm 2011) diện tích khoảng 22 công đất vuông và 2.200m² đất vườn, tọa lạc khóm C, thị trấn T, huyện T để phân chia thừa kế theo pháp luật thành 07 kỷ phần. Ông yêu cầu được nhận 4.073m² đất vuông và 314,3m² đất vườn.

Quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ú trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông Đ về nguồn gốc đất tranh chấp. Tuy nhiên, sinh thời cha mẹ ông có tạo lập được một số tài sản gồm: 05 công đất ruộng và đất vườn tại thửa 137, phần còn lại ngày xưa là đất hoang hoá do bà Đ1 tự đăng ký. Cha mẹ chết không để lại di chúc, nhưng bà Đ1 và ông Đ2 là người quản lý, sử dụng đất từ năm 1989 đến nay do bà Đ1 và ông Đoàn S1 với cha mẹ từ nhỏ đến lớn và không có lập gia đình. Khi cha mẹ chết thì bà Đ1 và ông Đ2 tiếp tục ở trên phần đất tranh chấp cho đến khi ông Đ2 chết năm 2013, còn bà Đ1 đã đăng ký kê khai phần đất trên, nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất do ông Đ ngăn cản. Do đó, ông Đ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế thì bà Đ1 không đồng ý.

Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị H trình bày: Sinh thời cha mẹ bà có tạo lập nhiều phần đất, trong đó có phần đất, thửa số 137, tờ bản đồ số 52, diện tích khoảng 22 công đất vuông và 2.200m² đất vườn, tọa lạc khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau. Phần đất hiện nay bà Nguyễn Thị Đ1 đang quản lý, sử dụng. Phần đất trên là di sản thừa kế của ông M và bà P1. Do cha mẹ bà chết không để lại di chúc nên bà yêu cầu Tòa án buộc bà Đ1 giao lại toàn bộ phần đất để phân chia thừa kế theo pháp luật thành 07 kỷ phần. Bà yêu cầu được nhận 4.073m² đất vuông và 314,3m² đất vườn.

Quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Văn K trình bày: Cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Tuy nhiên, trước khi chết cha mẹ đều đã cho đất và phân chia cho các con. Phần đất đang tranh chấp do ông Đ2 và bà Đ1 quản lý sử dụng từ mấy chục năm nay. Hiện ông không có yêu cầu về việc phân chia thừa kế đối với phần đất nêu trên.

Đối với ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị P: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông G, bà P nhưng ông G, bà P vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của khởi kiện của ông Đ, bà H và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H về việc xác định phần đất của bà Nguyễn Thị Đ1 đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M, cụ Hồ Thị P1 theo đo đạc thực tế 24.537,2m².

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 tháng 10 năm 2025, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà H về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế 24.537,2m², thửa 137, tờ bản đồ số 52 (thửa 13, 20, tờ bản đồ số 27 – Bản đồ năm 2012), đất tọa lạc tại khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau. Ông Đ, bà H yêu cầu mỗi người được nhận 01 kỷ phần thừa kế tương đương 3.505,3m² gồm đất ở và đất nuôi trồng thủy sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo; phần đất đang tranh chấp theo đo đạc thực tế 24.537,2m², thửa 137, tờ bản đồ số 52 (thửa 13, 20, tờ bản đồ số 27 – Bản đồ năm 2012), đất tọa lạc tại khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau, có nguồn gốc từ ông nội của ông khai phá, ông nội cho cha mẹ; khi còn sống cụ P1 (mẹ ông Đ) đã phân chia đất cho các con trai ai cũng được chia một thửa, theo đó ông Đ2 được chia phần đất tranh chấp, ông Đ2 chết năm 2013, hiện bà Đ1 đang quản lý đất; nên ông Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, mục đích của ông Đ kiện là vì quyền lợi của bà H.

- Đại diện bị đơn, ông Nguyễn Văn Ú trình bày: Không đồng ý kháng cáo của ông Đ và bà H; đất tranh chấp là tài sản của cha mẹ; ông Đ2 và bà Đ1 không lập gia đình, ở chung và nuôi mẹ, nên cụ P1 chia cho ông Đ2 và bà Đ1 phần đất mà hiện nay đang tranh chấp; năm 2012, bà Đ1 đăng ký kê khai phần đất, thời điểm này ông Đ2 còn sống nhưng không có ý kiến về việc bà Đ1 đứng tên kê khai, từ đó xác nhận phần đất là tài sản của bà Đ1, nên ông Đ và bà H không được quyền khởi kiện.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H trình bày: Đất đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ đã tặng cho ông Đ2, ông Đ2 chết nên bà yêu cầu được chia theo quy định, chia phần đất thành 07 kỷ phần, bà nhận đất để cất nhà, hiện nay bà H không nơi nương tựa, bà bị bệnh tai biến, không lao động được; mặt khác, từ trước đến nay bà chưa được cha mẹ chia quyền sử dụng đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà H, chia cho bà H 01 kỷ phần bằng 1/7 trên tổng diện tích đất (khoảng 3.505,3m²); không chấp nhận kháng cáo của ông Đ vì ông đã được cha mẹ chia một thửa đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Cụ Nguyễn Văn M (chết năm 1992) và cụ Hồ Thị P1 (chết năm 2007), hai cụ có những người con: Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Văn Ú, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị P.

Nguyễn Thị Mười S (chết năm 1999), Nguyễn Thị C (chết năm 2005), Nguyễn Văn Đ2 (chết năm 2013), những người này không lập gia đình, không có con.

Trong vụ án này, ông Nguyễn Văn K từ chối nhận thừa kế; đối với Nguyễn Văn G, Nguyễn Thị P thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến hay văn bản phản hồi.

[3] Xét kháng cáo, ông Đ và bà H kháng cáo cùng nội dung, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Đ, bà H đó là chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất thành 07 kỷ phần, mỗi người nhận 01 kỷ phần (vì hiện tại có 07 anh chị em ruột).

Các đương sự yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế 24.537,2m² thửa đất 137, tờ bản đồ số 52 (thửa 13, 20, tờ bản đồ 27 - Bản đồ năm 2012), tọa lạc khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau. Phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận). Về nguồn gốc đất: tất cả các đương sự là con của hai cụ đều xác định đất có nguồn gốc của cha mẹ, cụ M chết năm 1992, cụ P1 chết năm 2007, nhưng trước đó cụ P1 đã tặng cho con phần đất này; tuy là phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận, nhưng các đương sự là con ruột đều xác định cha mẹ đã cho con, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, phù hợp với thực tế là các con trai của cụ M, cụ P1 như ông Đ, ông Ú, ông K, ông G đều đã được chia một phần đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ, bà H và ông Ú đều xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ các đương sự; về phía ông Đ và bà H xác nhận cụ P1 tặng cho ông Đ2 vì con trai mới được cha mẹ cho đất, con gái không được cho đất; theo như ông Ú trình bày thì cụ P1 chia cho ông Đ2 và bà Đ1 phần đất chứ không phải cho một mình ông Đ2, bởi vì ông Đ2 và bà Đ1 không lập gia đình, ở chung và nuôi mẹ, xây cất nhà trên phần đất đang tranh chấp và ở cùng nhau; thời điểm năm 2012, khi ông Đ2 còn sống, bà Đ1 đăng ký kê khai một mình bà Đ1 đứng tên trên phần đất nhưng ông Đ2 không có ý kiến, từ đó cho thấy ông Đ2 đồng ý tặng cho bà Đ1 cả thửa đất.

Qua lời trình bày và xác nhận của đương sự có mặt tại phiên tòa là ông Đ, bà H, ông Ú cũng như đương sự vắng mặt là bà Đ1, ông K đều xác định ông Đ2 được cụ P1 chia cho phần đất đo đạc thực tế 24.537,2m² tức là thửa đất đang tranh chấp; (tuy nhiên, ông Đ và bà H thì trình bày cụ P1 không chia đất cho bà Đ1; còn ông Ú xác nhận cụ P1 có chia đất cho bà Đ1).

Như vậy, cho thấy thửa đất mà ông Đ và bà H yêu cầu chia thừa kế không còn là tài sản của cụ M, cụ P1, cho nên quyền sử dụng đất này không phải là di sản thừa kế của hai cụ. Nhưng Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì ông Đ và bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là chưa đúng với thực tế, chưa đúng với tài liệu chứng cứ đã thu thập.

[4] Từ phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ và bà H về yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ. Đối với Viện kiểm sát đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà H; tuy nhiên, Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm với những căn cứ nhận định trên.

[5] Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Đ và bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, cho nên không được chấp nhận; tuy nhiên, ông Đ và bà H xác nhận cha mẹ chia đất cho ông Đ2; ông Ú, bà Đ1 và ông K xác nhận đất cha mẹ cho ông Đ2 và bà Đ1; ông Đ2 chết năm 2013, không để lại di chúc, vì vậy, các đương sự có thể khởi kiện ở vụ án khác để yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ2 theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. Do đó, trong vụ án này, Tòa án không giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm đương sự là người cao tuổi, được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị H về việc xác định phần đất của bà Nguyễn Thị Đ1 đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M, cụ Hồ Thị P1 theo đo đạc thực tế 24.537,2m², thửa đất 137, tờ bản đồ số 52 (thửa 13, 20, tờ bản đồ 27 - Bản đồ năm 2012), đất tọa lạc khóm C, xã T, tỉnh Cà Mau.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H được miễn.

3. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền